

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Khu dân cư Cát Tường Phú Thành (Cát Tường Park House), diện tích 83.281,9 m², dân số 1.700 - 1.800 người tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành (nay là phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Tập đoàn địa ốc Cát Tường làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 123/2023/CV-CTGG ngày 24 tháng 5 năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 246/TTr-STNMT ngày 09 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn địa ốc Cát Tường (sau đây gọi là Chủ dự án) (địa chỉ: số 789, ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu dân cư Cát Tường Phú Thành (Cát Tường Park House), diện tích 83.281,9 m², dân số 1.700 - 1.800 người tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành (nay là phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu dân cư Cát Tường Phú Thành, tên thương mại:

Cát Tường Park House.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần: Mã số danh nghiệp 1101389698 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 15/7/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 09 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 1101389698.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu dân cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: khoảng 83.281,9 m².

- Quy mô dân số: Khoảng 1.700 - 1.800 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn địa ốc Cát Tường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn địa ốc Cát Tường có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhầm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 13 tháng 6 năm 2023 đến ngày 13 tháng 6 năm 2033).

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2704/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Như Điều 5;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty CP Tập đoàn địa ốc Cát Tường;
- Lưu: VT_(BH-38-GPMT-13/6). BIC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 35../GPMT-UBND
ngày 13 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu thương mại, lưu lượng tối đa 1,74 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, lưu lượng tối đa 162 m³/ngày đêm, trong đó: giai đoạn 1 lượng nước thải của các hộ dân là 64,8 m³/ngày.đêm, giai đoạn 2 lượng nước thải của các hộ dân là 97,2 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực giáo dục, lưu lượng tối đa 6,75 m³/ngày đêm.

Nguồn số 01, 02 và nguồn số 03 nhập chung vào, cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hiện tại, khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua, nước thải sau xử lý của dự án đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$) được thải về hồ gas trong khu vực dự án có tọa độ X: 541.354,20; Y: 1.265.423,32, sau đó được thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại vị trí có tọa độ X: 541.642, Y: 1.265.439, phù hợp với mục tiêu thoát nước theo quy hoạch chung của địa phương thuộc địa phận phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 541.642, Y: 1.265.439 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của dự án: 170,49 m³/ngày.đêm; trong đó, lưu lượng xả nước thải lớn nhất của module 1: 73,29 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau bồn lọc áp lực dẫn vào đường ống thoát nước thải cấu tạo bằng HDPE, có đường kính Ø200 mm sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (k = 1,0) cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	- Trường hợp khi khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua: 03 tháng/lần - Trường hợp khi khu vực dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua: không thực hiện giám sát chất lượng môi trường nước thải	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
4	BOD ₅	mg/l	30		
5	Photphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	6		
6	Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	30		
7	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
8	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của từng hộ dân trong khu dân cư được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn của từng hộ dân; nước thải từ khu thương mại - dịch vụ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn của khu thương mại; nước thải từ khu giáo dục: nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, nước thải khu vực nhà ăn được dẫn qua bể tách dầu mỡ cục bộ tại khu giáo dục. Nước thải sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ cục bộ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu dân cư bằng các đường ống, cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Cống tròn D200 HDPE 1 vách	m	2155
2	Cống tròn D200 HDPE 2 vách	m	260
3	Cống tròn D300 HDPE 1 vách	m	89
4	Cống tròn D300 HDPE 2 vách	m	80
5	Hố ga bê tông cốt thép (thoát nước)	cái	113
6	Ống nhựa uPVC D168	m	2088
7	Hố ga quan trắc	cái	1
8	Trạm xử lý nước thải, công suất 200 m ³	Trạm	1
9	Ống nhựa uPVC D168 (khu clubhouse và hồ bơi)	m	42
10	Ống nhựa uPVC D140 (đầu nối từ khu giáo dục)	m	Khoảng 11 m

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Hệ thống thu gom nước thải của dự án → Bể thu (có song chắn rác) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Thiết bị khử trùng UV → Thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0).

- Công suất thiết kế hệ thống: Chủ dự án đã xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục công trình của Hệ thống xử lý nước thải, công suất: 200 m³/ngày.đêm, xây dựng ngầm. Hiện tại, giai đoạn 1, Chủ dự án đã lắp đặt thiết bị cho module 1 của hệ thống xử lý nước thải, công suất 100 m³/ngày.đêm. Trong giai đoạn 2, khi lượng nước thải của giai đoạn 1 đạt 85% công suất của module 1, tại khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua, Chủ dự án phải lắp đặt thiết bị cho module 2, đảm bảo công suất hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án đạt 100% (200 m³/ngày.đêm). Trường hợp trong giai đoạn này tại khu vực dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua, Chủ dự án phải tiến hành đầu nối nước thải của dự án vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của địa phương theo

đúng quy định.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: không sử dụng hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời tại bể điều hòa và các bể xử lý trong hệ thống xử lý nước thải, sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm về lại bể thu để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Module 1: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Module 2: Khi lượng nước thải của giai đoạn 1 đạt 85% công suất của module 1, Chủ dự án phải lắp đặt thêm thiết bị cho module 2 và tiến hành vận hành thử nghiệm cho module 2 theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tổng công suất thiết kế 200 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1 Chủ dự án vận hành thử nghiệm cho module 1, công suất 100 m³/ngày.đêm, khi lượng nước thải của giai đoạn 1 đạt 85% công suất của module 1, Chủ dự án phải lắp đặt thêm thiết bị cho module 2 và tiến hành vận hành thử nghiệm cho module 2 theo đúng quy định).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải.
- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
- Tại các vị trí khác của hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Khoản 5

Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$) trước khi kết nối vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.5. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ dự án phải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này vào nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .T.5./GPMT-UBND
ngày 13 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 534.892, Y = 1.268.521.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.4. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 35../GPMT-UBND
ngày 13 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng phát thải trung bình (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại
I	Từ khu giáo dục				
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	Đ, ĐS	6	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	Đ, ĐS, AM	3,6	16 01 12
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện, các linh kiện điện tử	Rắn	Đ, ĐS	6	16 01 13
4	Các loại dầu nhớt thải	Rắn/Lỏng	Đ, ĐS, C	24	16 01 08
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	Đ, ĐS	24	18 01 03
II	Từ khu vực thương mại - dịch vụ				
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	Đ, ĐS	12	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	Đ, ĐS, AM	6	16 01 12
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện, các linh kiện điện tử	Rắn	Đ, ĐS	12	16 01 13
4	Các loại dầu nhớt thải	Rắn/Lỏng	Đ, ĐS, C	36	16 01 08
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	Đ, ĐS	36	18 01 03
III	Từ trạm xử lý nước thải				
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	Đ, ĐS	2,4	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	Đ, ĐS, AM	1,2	16 01 12
3	Các loại dầu nhớt thải	Rắn/Lỏng	Đ, ĐS, C	24	16 01 08
IV	Từ các hộ dân				

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng phát thải trung bình (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	Rắn	Đ, ĐS	90	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	Đ, ĐS, AM	4,5	16 01 12
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện, các linh kiện điện tử	Rắn	Đ, ĐS	4,5	16 01 13
Tổng				292,2	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Khu vực phát sinh	Số lượng (kg/ngày)
1	Bùn thải từ bể tự hoại hộ dân trong toàn dự án	529
2	Bùn thải từ bể tự hoại khu thương mại – dịch vụ	105,84
3	Bùn thải từ bể tự hoại khu giáo dục	26,46
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (1 module)	120
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (2 module)	240
Tổng		1.121,3

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Khu vực phát sinh	Số lượng (kg/ngày)
1	Chất thải sinh hoạt	2.544,5
Tổng		2.544,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà: Các hộ dân tự phân loại chất thải nguy hại tại mỗi hộ, sau đó chuyển chất thải nguy hại đến khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án; đối với chất thải nguy hại từ khu vực thương mại - dịch vụ và khu giáo dục: đơn vị quản lý các khu vực này có trách nhiệm thu gom chuyển đến khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án; chất thải nguy hại từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải được bộ phận vận hành hệ thống xử lý nước thải thu gom về nhà chứa chất thải nguy hại tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Diện tích kho: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kho chứa chất thải nguy hại được lắp đặt bằng thùng container, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa HDPE, mỗi thùng có nắp đậy và dán mã số chất thải nguy hại... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại của các hộ dân: Định kỳ mỗi hộ dân tự liên hệ với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại của khu giáo dục và khu thương mại - dịch vụ: Định kỳ đơn vị quản lý các khu này hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Chủ dự án chứa trong bể thu bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 20 lít và 120 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .35../GPMT-UBND
ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.
4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.
5. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.
6. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.